

Số: 522 /BVĐKHG-KD
V/v mời báo giá thuốc cho nhà thuốc bệnh
viện lần 1 năm 2026

Hà Giang 2, ngày 09 tháng 6 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh thuốc.

Hiện nay, Bệnh viện đang tiến hành xây dựng danh mục thuốc bán tại Nhà thuốc bệnh viện năm 2026.

Bệnh viện kính mời các công ty sản xuất, kinh doanh thuốc có đủ năng lực kinh nghiệm cung cấp hồ sơ (theo biểu mẫu đính kèm) để Bệnh viện lựa chọn công ty cung ứng với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Số 11, Đường Minh Khai, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

Nhà thuốc, Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang.

Điện thoại: 0976.334.981

Email: hoangquocbao78@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc qua chuyển phát:

- Thông tin người nhận: Nhà thuốc, Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang.

DS Hoàng Quốc Bảo; Số điện thoại: 0976.334.981

Email: hoangquocbao78@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá:

Từ ngày thông báo đến hết ngày 19/6/2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19/6/2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thuốc (theo Phụ lục 1 đính kèm).

2. Các giấy tờ yêu cầu:

2.1. Báo giá của thuốc cung cấp (Đầy đủ thông tin như mẫu biểu (Phụ lục 2 đính kèm)) và kèm theo các tài liệu sau:

2.2. Hồ sơ pháp lý của công ty:

- Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh (bản sao công chứng) hoặc đóng dấu của Nhà thầu.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm tương ứng.
- Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc GDP (Bản sao công chứng).
- Bản cam kết về chất lượng hàng hóa, giá và cung ứng sản phẩm (*Phụ lục 3 đính kèm*)

2.3. Hồ sơ sản phẩm (sắp xếp theo từng sản phẩm)

- Giấy phép lưu hành sản phẩm/ Quyết định cấp đăng ký lưu hành/ Công văn duy trì hiệu lực số đăng kí lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực. (*Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho hặc cam kết số lượng cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng*).
- Quyết định trúng thầu hoặc thông báo trúng thầu trong thời gian còn hiệu lực tính đến thời điểm ký kết hợp đồng ít nhất là 01 tháng. Đối với các thuốc hiếm và thuốc mới theo quy định tại khoản 14 và khoản 30 Điều 2 Luật Dược số 105/2016/QH13 chưa có kết quả trúng thầu, cung cấp ít nhất 01 hóa đơn bán hàng tại 01 cơ sở y tế công lập trong vòng 12 tháng.
- Các tài liệu do công ty cung cấp phải có dấu xác nhận của công ty, đồng thời chuẩn bị sẵn các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bệnh viện.

3. Địa điểm giao hàng: Nhà thuốc, Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: năm 2026

5. Các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Điều khoản tạm ứng: Theo thỏa thuận
- Điều khoản thanh toán: Theo thỏa thuận.
- Thời hạn thanh toán: Theo thỏa thuận.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện, muasamcong.mpi.gov.vn;
- Lưu: VT, KD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Dũng

Phụ lục 1: Danh mục thuốc xin báo giá

(Kèm theo thư mời số: 522 /BVĐKHG-KD của bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ- hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Nhóm TCKT
1	Etoricoxib	90mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	300	BDG
2	Allopurinol	100mg	Uống	Viên nén	Viên	500	Nhóm 1
3	Glucosamin (dưới dạng Glucosamin HCl)	1500mg	Uống	Thuốc cốm	Gói	600	Nhóm 4
4	Ebastin	1mg/ml (0,1% (w/v))	Uống	Hỗn dịch uống	Ống	100	Nhóm 4
5	Mỗi gói 3g chứa: Acetylcystein 200mg	200mg	Uống	Bột pha dung dịch uống	Gói	1.000	Nhóm 1
6	Glutathion	600mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	lọ	600	Nhóm 1
7	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	1.000	BDG
8	Natri valproate	200mg/ml	Uống	Dung dịch thuốc uống	Chai	100	Nhóm 2
9	Natri valproate; Acid valproic	333,00mg; 145,00mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Viên	1.000	Nhóm 1
10	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	250mg + 31,25mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	1.200	BDG
11	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 62,5mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	2.400	BDG
12	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) 500mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 125mg	500mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.000	Nhóm 1
13	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2.800	BDG
14	Amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrat 1005mg) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat 149mg) 125mg	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.000	Nhóm 2
15	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	28.000	BDG

16	Cefdinir	250ml/ 5ml; chai 9g/30ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Chai	100	Nhóm 4
17	Ceftriaxone (dưới dạng ceftriaxone natri) 1gam	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Lọ	30	BDG
18	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	200	BDG
19	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	100	BDG
20	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	200mg/5ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Lọ	50	BDG
21	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	100	Nhóm 1
22	Clarithromycin 125mg/5ml	125mg/5ml	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Lọ	50	Nhóm 5
23	Clarithromycin	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	200	BDG
24	Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên nén	Viên	3.000	Nhóm 1
25	Ciprofloxacin	750mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3.000	Nhóm 1
26	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.000	Nhóm 1
27	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate 512,46mg)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	500	BDG
28	Levofloxacin (Levofloxacin hemihydrat)	768,7 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	500	Nhóm 4
29	Sulfamethoxazole + Trimethoprim	400mg; 80mg	Uống	Viên nén	Viên	500	Nhóm 1
30	Fosfomycin calcium hydrate 500mg (Potency)	500mg	Uống	Viên nén	Viên	200	BDG
31	Fosfomycin*	500mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	1.000	Nhóm 4
32	Tenofovir alafenamide (dưới dạng Tenofovir alafenamide fumarate)	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2.000	Nhóm 3
33	Entecavir (dưới dạng Entecavir monohydrate 0,53mg)	0,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.000	Nhóm 3
34	Oseltamivir (dưới dạng oseltamivir phosphat)	75mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	500	BDG
35	Miconazol nitrat	100mg	Đặt	Viên nang mềm đặt âm đạo	Viên	1.000	Nhóm 4
36	Benserazide (dưới dạng Benserazide hydrochloride) 50mg, Levodopa 200mg	50mg; 200mg	Uống	Viên nén	Viên	600	Nhóm 1

37	Enoxaparin natri	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/0,4ml	Tiêm dưới da. Tiêm tĩnh mạch (tùy thuộc vào chỉ định). Tiêm vào dây động mạch trong khi thăm phân máu.	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	100	BDG
38	Enoxaparin natri	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/0,6ml	Tiêm dưới da. Tiêm tĩnh mạch (tùy thuộc vào chỉ định). Tiêm vào dây động mạch trong khi thăm phân máu.	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	100	BDG
39	Tranexamic acid	250mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	5.000	Nhóm 5
40	Tranexamic acid 500mg	500 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.000	Nhóm 1
41	Transamin Injection (Acid tranexamic 50mg/ 5ml)	50mg/5ml	Đường tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	500	Nhóm 2
42	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	Viên	3.000	BDG
43	Amiodarone hydrochloride	150mg/ 3ml	Tiêm tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Ống	100	Nhóm 1
44	Amiodarone hydrochloride	200mg	Uống	Viên nén	Viên	500	Nhóm 1
45	Amlodipine (dưới dạng amlodipine besilate)	5mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	1.000	BDG
46	Bisoprolol fumarate	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.000	BDG
47	Bisoprolol fumarate	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.000	BDG
48	Metoprolol succinat (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol)	23,75mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	2.800	Nhóm 1
49	Metoprolol succinat	47,5mg (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	2.800	Nhóm 1
50	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5 mg	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	600	BDG
51	Rivaroxaban	15mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	280	Nhóm 1
52	Rivaroxaban	20 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	280	BDG
53	Ticagrelor	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.500	Nhóm 1

54	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci.1,5H2O)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	300	BDG
55	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium trihydrat) 20mg; Ezetimibe 10mg	20mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.000	Nhóm 4
56	Fenofibrate	200mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	6.000	BDG
57	Rosuvastatin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.400	Nhóm 1
58	Rosuvastatin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.400	Nhóm 1
59	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesi trihydrate)	10mg	Uống	Cốm kháng dịch dạ dày để pha hỗn dịch uống	Gói	1.120	BDG
60	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	20mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Viên	1.000	BDG
61	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Viên	1.000	BDG
62	Rabeprazol natri 20mg	20mg	Tiêm	Thuốc bột đông khô pha tiêm	Lọ	200	Nhóm 4
63	Lactulose	10g/15ml	Uống	Dung dịch uống	Gói	3.000	BDG
64	Racecadotril	10mg/gói	Uống	Thuốc bột uống	Gói	1.600	BDG
65	Racecadotril	30mg/gói	Uống	Thuốc bột uống	Gói	1.000	BDG
66	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90% 450mg; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10% 50mg	450mg; 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.000	BDG
67	L-Ornithin L-Aspartat	500mg	Uống	Viên nén	Viên	1.000	Nhóm 4
68	L-ornithine L-Aspartate	5g/10ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Ống	500	Nhóm 4
69	Mesalamin	500mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Viên	2.000	Nhóm 4
70	Silymarin	167mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2.000	Nhóm 4
71	Ursodiol (Ursodeoxycholic Acid)	500mg	Uống	Viên nén	Viên	900	Nhóm 1
72	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	40mg	Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	7.000	BDG

73	Mỗi ml chứa: Methylprednisolon acetat	40mg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Lọ	500	BDG
74	Dydrogesterone	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	20.000	BDG
75	Estradiol valerate	2mg	Uống	Viên nén bao đường	Viên	1.400	Nhóm 1
76	Progesterone dạng bột siêu mịn (progesterone micronized)	200mg	Uống, đặt âm đạo	Viên nang mềm dùng uống hoặc đặt âm đạo	Viên	750	Nhóm 1
77	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2.800	Nhóm 1
78	Gliclazide	30mg	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm sốt	Viên	500	BDG
79	Gliclazide	60mg	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm sốt	Viên	1.500	BDG
80	Levothyroxine natri	100mcg	Uống	Viên nén	Viên	500	BDG
81	Levothyroxine natri	50mcg	Uống	Viên nén	Viên	500	BDG
82	Betahistine dihydrochloride	8mg	Uống	Viên nén	Viên	1.000	BDG
83	Betahistine dihydrochloride	16mg	Uống	Viên nén	Viên	6.000	BDG
84	Betahistine dihydrochloride	24mg	Uống	Viên nén	Viên	5.000	BDG
85	Fluticason furoat	27,5 mcg/ liều xịt	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Bình	500	BDG
86	Acid thioctic (alpha- lipoic acid) 600mg	600mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	300	Nhóm 4
87	Cholin Alfoscerat	400mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	1.500	Nhóm 2
88	Citicolin	100mg/ml x 60ml	Uống	Dung dịch uống	Chai/lọ	2.000	Nhóm 4
89	Citicolin (dưới dạng Citicolin sodium) 1000mg	1000 mg/4 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	300	Nhóm 4
90	Cao lá Ginkgo biloba	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	900	Nhóm 1
91	Ginkgo biloba	17,5mg/5ml, 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	500	Nhóm 2
92	Piracetam	4g/20ml	Tiêm/Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Ống	2.000	Nhóm 2
93	Piracetam	200mg/ml (20% kl/tt)-12ml	Uống	Dung dịch uống	Chai	900	Nhóm 4
94	Mỗi 10ml dung dịch chứa: Piracetam 1200mg	1200mg/ 10ml	Uống	Dung dịch uống	Ống	2.000	Nhóm 4

95	Bambuterol	10mg	Uống	Viên nén	Chai	1.000	Nhóm 1
96	Budesonide	500mcg/2ml	Hít/Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Ổng	1.000	BDG
97	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều xịt chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 120 liều	Dạng hít	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	Bình	20	Nhóm 1
98	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 60 liều	Hít/Dạng hít	Thuốc bột để hít	Ổng	10	Nhóm 1
99	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	Xịt theo đường miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình xịt	200	Nhóm 1
100	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfat)	5mg/2,5ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng cho khí dung	Ổng	500	Nhóm 4
101	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticason propionat 250mcg	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticason propionat 250mcg	Hít qua đường miệng	Bột hít phân liều	Bình	20	BDG
102	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	Hít qua đường miệng	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Bình xịt	30	BDG
103	Mỗi 100ml hỗn hợp chứa: Dịch A: Glucose 11% 61,5ml; Dịch B: Amino acid 11,3% 20,8ml; Dịch C: Lipid emulsion 20% 17,7ml	Trong 360ml Mỗi 100ml hỗn hợp chứa: Dịch A: Glucose 11% 61,5ml (dưới dạng glucose monohydrate 7,44g); Dịch B: Amino acid 11,3% 20,8ml (bao gồm L-alanine 0,33g; L-arginine 0,24g; Calcium chloride 0,02g; Glycine 0,16g; L-aspartic acid 0,071g; L-glutamic acid 0,12g; L-histidine 0,14g; L-isoleucine 0,12g; L-leucine 0,16g; L-lysine HCl 0,24g; L-methionine 0,12g; L-proline 0,14g; L-phenylalanine 0,16g; L-serine 0,094g; L-tyrosine 0,005g; L-threonine 0,12g; L-tryptophan 0,04g; L-valine 0,15g; Magnesium sulfate 0,07g; Potassium chloride 0,12g; Sodium acetate 0,17g; Sodium glycerophosphate 0,1g); Dịch C: Lipid emulsion 20% 17,7ml (Purified soybean oil 3,54g)	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Gói/túi	100	Nhóm 2

104	Calci ascorbat+ Lysin hydroclorid + Acid ascorbic	250mg +141,7mg+ 136,6mg/5ml	Uống	Dung dịch uống	Ống	10.000	Nhóm 4
105	Vitamin B12 (Cyanocobalamin) + Sắt (dưới dạng sắt sulfat) + Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat+ Lysin HCL + Vitamin A (Retinolpalmitat) + Vitamin D3 (cholecalciferol) + Vitamin B1 (Thiamin nitrat) + Vitamin B2 (Riboflavin sodium phosphat) + Vitamin B3 (Niacinamid) + Vitamin B6 (pyridoxin hydroclorid)	(50mcg + 15mg + 12,5mg + 4mg + 12,5mg + 2500IU + 200IU + 10mg + 1,25mg + 12,5mg + 5mg)/5ml	Uống	Dung dịch uống	Ống	10.000	Nhóm 4
106	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	250mg + 250mg + 1000mcg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.000	Nhóm 4
107	Mỗi ống 10ml dung dịch chứa: Calci glucoheptonat 1100 mg; Vitamin C 100 mg; Vitamin PP 50 mg	1100mg; 100mg; 50mg	Uống	Dung dịch uống	Ống	1.500	Nhóm 4
108	Almagate	1500mg/15ml	Uống	Hỗn dịch uống	Gói	1.500	Nhóm 4
109	Almagate	500mg	Uống	Viên	Viên	1.000	Nhóm 2
110	Mỗi 118ml dung dịch chứa: Natri dihydrophosphat dihydrat 21,4 g (18,1% (w/v)); Dinatri phosphat dodecahydrat 9,4 g (8,0% (w/v))	(21,4g+9,4g)/118mlx133ml	Thụt trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Chai	500	Nhóm 4
111	Ezetimib; Rosuvastatin (dưới dạng rosuvastatin calci 5,2mg)	10mg; 5mg	Uống	Viên nén	viên	1.000	Nhóm 4
112	Febuxostat	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.000	Nhóm 2
113	Kali citrate	3g	Uống	Bột pha dung dịch uống	Gói	900	Nhóm 5
114	Omeprazol 40mg; Natri hydrocarbonat 1100mg	40mg + 1100mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	1.000	Nhóm 4
115	Omeprazol 20mg; Natri hydrocarbonat 1100mg	20mg + 1100mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	1.000	Nhóm 4
116	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren pivoxil)	50mg	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Gói	210	Nhóm 1
117	Cefditoren	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	200	BDG
118	Arginin aspartat	1000mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Viên	12.000	Nhóm 4

127	Cao khô cỏ thánh John (Hyperici herbae extractum siccum) chiết bằng Ethanol 57.9% (v/v) theo tỷ lệ [(4-7):1] 500mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	500	Nhóm 1
128	Cao khô lá Bạch quả	120mg	Uống	Dung dịch uống	Ống	10.000	Nhóm 3
129	Kem chống hăm Bepanthen	Lanolin, Paraffinum Liquidum, Glycerin,.../30g	Kem bôi	Dạng mỡ	Tube	200	Nhóm 5

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 19/6/2026.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽³⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú (3)

(2) Đơn giá là giá đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).

(3) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Phụ lục 3: Mẫu bản cam kết

(Kèm theo Thư mời số: 522 /BVĐKHG-KD ngày 09/6/2026 của Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày 19 tháng 6 năm 2026

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Email:.....

Người đại diện:.....Chức vụ:.....

Chúng tôi xin cam kết tới quý Bệnh viện như sau:

1. CAM KẾT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

- Đảm bảo chất lượng, mẫu nhãn đúng như đã đăng kí với cơ quan có thẩm quyền.

- Đúng với nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa về hãng sản xuất, nước sản xuất.

- Hạn sử dụng còn lại của thuốc đã kí hợp đồng tính từ thời điểm cung ứng cho cơ sở y tế phải Đảm bảo hạn sử dụng còn lại của hàng hóa trúng thầu tính đến thời điểm hàng hóa cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/4 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của hàng hóa không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có hàng hóa phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Chủ đầu tư quyết định hạn sử dụng còn lại của hàng hóa trúng thầu tính đến thời điểm hàng hóa cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng hàng hóa cho bệnh nhân..

- Cam kết thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật như báo giá và hợp đồng đã ký kết, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân

không do lỗi của Bệnh viện và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Bệnh viện, tương ứng số lượng thuốc đã thu hồi hoặc mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện, đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

2. CAM KẾT VỀ GIÁ

- Chúng tôi cam kết giá của (các) sản phẩm do công ty chúng tôi cung cấp cho nhà thuốc Bệnh viện là phù hợp trên toàn bộ thị trường và thấp hơn hoặc bằng giá đã công bố/ kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trong trường hợp điều chỉnh giá công bố/kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chúng tôi sẽ điều chỉnh giá bán xuống thấp hơn hoặc bằng cho Bệnh viện. Nếu chúng tôi không điều chỉnh giá bán cho Bệnh viện, chúng tôi xin đền toàn bộ phần chênh lệch của giá công bố/kê khai và giá bán cho Bệnh viện tính từ thời điểm điều chỉnh.

3. CAM KẾT CUNG ỨNG SẢN PHẨM

- Cung cấp kịp thời, chính xác, đủ số lượng thuốc theo đơn đặt hàng của Nhà thuốc Bệnh viện.

- Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm thu hồi thuốc trong trường hợp đã giao hàng nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời thay thế lô hàng khác cho đơn vị y tế.

- Cam kết cung cấp đầy đủ phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng ở mỗi lần nhập.

- Trong suốt quá trình vận chuyển, giao nhận thuốc phải đảm bảo đúng các yêu cầu về điều kiện bảo quản ghi trên nhãn, theo các nguyên tắc GSP, GDP và các quy định về quản lý các thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

Cam kết có hiệu lực kể từ ngày ký. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Bệnh viện./

Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)